

Số: 69/QĐ-UBND

Cẩm Hưng, ngày 22 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách xã Cẩm Hưng năm 2021 và thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND xã Cẩm Hưng về việc phê chuẩn Quyết toán ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết toán ngân sách xã Cẩm Hưng năm 2021 và thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND & UBND xã Cẩm Hưng, công chức Tài chính - Kế toán, các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Các tổ chức có liên quan;
- Lưu: VT, ...

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sảng

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai số liệu Quyết toán ngân sách xã năm 2021
và thực hiện Dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022**

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 19/07/2022 của HĐND xã Cẩm Hưng về việc phê duyệt Dự toán ngân sách xã năm 2022;

Hôm nay vào lúc 8 giờ 00, ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại UBND xã Cẩm Hưng.

*** Thành phần tham dự :**

- 1/ Ông Nguyễn Xuân Sảng
- 2/ Ông: Nguyễn Thế Bằng
- 3/ Bà: Nguyễn Thị Quỳnh
- 4/ Bà: Nguyễn Thị Hằng
- 5/ Ông: Nguyễn Văn Kiên

Chức vụ : Chủ tịch UBND xã .
Chức vụ : Phó chủ tịch UBND xã.
Chức vụ: Tài chính - Kế toán .
Chức vụ: VP HĐND - UBND
Chức vụ: Trưởng ban TTND

*** Nội dung biên bản:**

Tiến hành lập biên bản niêm yết công khai Quyết toán ngân sách xã năm 2021 và thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022.

- Nội dung niêm yết công khai:
- + Quyết toán ngân sách xã năm 2021.
- + Thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2022.
- Hình thức công khai: Niêm yết công khai bằng văn bản.
- Địa điểm niêm yết: Bộ phận một cửa UBND xã Cẩm Hưng
- Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 22/7/2022 đến ngày 22/8/2022.

Biên bản kết thúc lúc 8 giờ 30 phút, đã được đọc cho các thành phần tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên.

Lập biên bản



Nguyễn Thị Hằng

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sảng

Người có trách nhiệm niêm yết



Nguyễn Thị Quỳnh

BIÊN BẢN KẾT THÚC CÔNG KHAI
Số liệu Quyết toán ngân sách xã năm 2021
và thực hiện Dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 10/01/2022 của HĐND xã Cẩm Hưng về việc phê duyệt Dự toán ngân sách xã năm 2022;

Hôm nay vào lúc 16 giờ 30, ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại UBND xã Cẩm Hưng.

*** Thành phần tham dự :**

- 1/ Ông Nguyễn Xuân Sảng
- 2/ Ông: Nguyễn Thế Bằng
- 3/ Bà: Nguyễn Thị Quỳnh
- 4/ Bà: Nguyễn Thị Hằng
- 5/ Ông: Nguyễn Văn Kiên

Chức vụ : Chủ tịch UBND xã .
Chức vụ : Phó chủ tịch UBND xã.
Chức vụ: Tài chính - Kế toán .
Chức vụ: VP HĐND - UBND
Chức vụ: Trưởng ban TTND

*** Nội dung biên bản:**

Tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết công khai số liệu Quyết toán ngân sách xã năm 2021 và thực hiện Dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022.

- Nội dung niêm yết công khai:
 - + Quyết toán ngân sách xã năm 2021.
 - + Thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2022.
- Hình thức công khai: Niêm yết công khai bằng văn bản.
- Địa điểm niêm yết: Bộ phận một cửa UBND xã Cẩm Hưng
- Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 22/7/2022 đến ngày 22/8/2022.

Kết thúc niêm yết công khai không nhận được ý kiến đóng góp, điều chỉnh, bổ sung. Hội nghị thống nhất lập biên bản sau thời gian kết thúc niêm yết công khai. Hội nghị kết thúc lúc 17 giờ 30 phút.

Biên bản được lập thành 02 bản, Kế toán lưu: 01 bản, lưu tại văn phòng UBND xã: 01 bản.

Lập biên bản



Nguyễn Thị Hằng

Người có trách nhiệm niêm yết



Nguyễn Thị Quỳnh



Nguyễn Xuân Sảng



CÂN ĐỔI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Biểu số 116/CK TC - NSNN

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	12.838.957	Tổng số chi	12.838.957
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	3.562.962	I. Chi đầu tư phát triển	6.108.811
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	263.546	II. Chi thường xuyên	6.530.792
III. Thu bổ sung	8.829.437	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	199.354
- Bổ sung cân đối	4.507.554	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	4.321.883		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	27.643		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	155.369		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

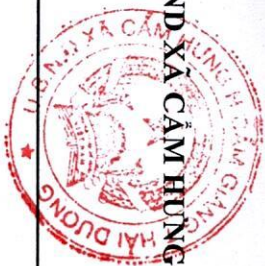


QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	10.173.056	5.100.000	5.073.056	12.838.957	6.108.811	6.730.146	126,21	119,78	132,66
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	800.000	800.000		1.466.261	1.466.261		183,28	183,28	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	1.100.000	1.100.000		1.000.000	1.000.000		90,91	90,91	
4	Chi văn hóa, thông tin	19.000		19.000	18.150		18.150	95,53		95,53
5	Chi phát thanh, truyền thanh	21.807		21.807	15.086		15.086	69,18		69,18
6	Chi thể dục, thể thao	25.000		25.000						
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	2.510.000	2.500.000	10.000	3.042.550	3.042.550		121,22	121,70	
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.437.850	700.000	4.737.850	6.355.668	600.000	5.755.668	116,88	85,71	121,48
10	Chi cho công tác xã hội	259.399		259.399	272.130		272.130	104,91		104,91
11	Chi khác				469.758		469.758			
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				199.354		199.354			



QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

Giá trị thanh toán trong năm 2021										
STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị khối lượng thực hiện trong năm 2021 (từ ngày 01/01 đến 31/12/2021)	Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn		
			Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp của dân
	A	B	1	2	3=4+5+6	7=9+10	8	9	10	
	TỔNG SỐ		31.234.964	0	14.953.996	6.108.811	2.608.811	6.108.811		
1	I/ Công trình chuyển tiếp		21.696.186	0	5.815.264	3.608.811	2.608.811	3.608.811		
	Dường giao thông		6.889.458			542.550	542.550	542.550		
	Nâng cấp đường giao thông trực xã Cẩm Hưng giai đoạn 1 từ thôn Mậu Duyệt đến thôn Đồng Xuyên	7/2020 - 01/2021	6.889.458		0	542.550	542.550	542.550		
2	Trường học		10.027.563		2.024.869	1.466.261	1.466.261	1.466.261		
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương	3/2020 -5/2021	4.546.219		2.024.869	1.000.553	1.000.553	1.000.553		
	Cải tạo công trình phụ trợ, xây mới nhà vệ sinh trường THCS	2020	423.560			303.435	303.435	303.435		
	Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng, móng 2 tầng trường THCS	10/2017 - 12/2018	4.308.797			62.296	62.296	62.296		
	Cải tạo, nâng cấp sân và các hạng mục phụ trợ trường THCS	01/2019 - 4/2020	748.987			99.977	99.977	99.977		
3	Trạm y tế		3.790.395		3.790.395	1.000.000	0	1.000.000		
	Nhà làm việc khám chữa bệnh 2 tầng trạm y tế xã Cẩm Hưng	10/2020 -2021	3.790.395		3.790.395	1.000.000		1.000.000		
4	Các công trình khác		988.770		0	600.000	600.000	600.000		
	Hạ tầng kinh tế kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm Hưng	2017 -2018	988.770			600.000	600.000	600.000		
1	2/Công trình khởi công mới		9.538.778		9.138.732	2.500.000	0	2.500.000		
	Dường giao thông									
	Nâng cấp đường giao thông trực xã Cẩm Hưng giai đoạn 2	3/2021-10/2021	9.538.778		9.138.732	2.500.000		2.500.000		
	Trong đó: CT hoàn thành trong năm									
1	Dường giao thông									
	Nâng cấp đường giao thông trực xã Cẩm Hưng giai đoạn 2	3/2021-10/2021	9.538.778		9.138.732	2.500.000	0	2.500.000		

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	14.931.627	3.351.384	22,44
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	170.000	17.291	10,17
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	10.177.620	53.414	0,52
3	Thu bổ sung	4.584.007	3.081.325	67,22
	- Bổ sung cân đối ngân sách	2.719.842	1.000.000	36,77
	- Bổ sung có mục tiêu	1.864.165	2.081.325	111,65
4	Thu chuyển nguồn		199.354	
II	TỔNG SỐ CHI	14.931.627	2.630.854	17,62
1	Chi đầu tư phát triển	10.000.000		
2	Chi thường xuyên	4.931.627	2.630.854	53,35
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

UBND Xã: Cẩm Hưng

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

[illegible]



UBND Xã: Cẩm Hưng

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Biểu số 114/CK TC - NSNN

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	Tổng số thu	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
I	Các khoản thu 100%		14.931.627		3.351.384		22,44
1	Phí, lệ phí		170.000		17.291		10,17
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		25.000		17.291		69,16
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		65.000				
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		80.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		10.177.620		53.414		0,52
I	Các khoản thu phân chia		170.420		40.466		23,74
1.1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		14.920				
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		5.500		4.350		79,09
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		150.000		36.116		24,08
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		10.007.200		12.948		0,13
2.1	Thu tiền sử dụng đất		10.000.000				
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		4.800		6.417		133,68
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		2.400		6.531		272,14
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				199.354		
	Thu chuyển nguồn K/P khác theo quy định của pháp luật.				14.769		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
A	B						
	Thu chuyển nguồn các khoản DT được cấp bổ sung sau ngày 30/9.						
	Thu chuyển nguồn thực hiện CCTL& các khoản tính theo lương cơ sở.						
	Thu chuyển nguồn đầu tư phát triển theo Quy định của luật đầu tư công.				184.585		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.584.007		3.081.325		67,22
1	Thu bổ sung cân đối		2.719.842		1.000.000		36,77
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.864.165		2.081.325		111,65



UBND Xã: Cẩm Hưng

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Biểu số 117/CK TC - NSNN

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		10.173.056		12.838.957		126,21
I	Các khoản thu 100%		120.000		3.562.962		2.969,14
1	Phí, lệ phí		40.000		23.200		58,00
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		65.000		3.349.342		5.152,83
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				78.200		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				40.220		
8	Thu khác		15.000		72.000		480,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		5.263.920		263.546		5,01
I	Các khoản thu phân chia		139.920		102.361		73,16
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		14.920		14.784		99,09
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		5.000		5.350		107,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		120.000		82.226		68,52
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định		5.124.000		161.185		3,15
2.1	Thu tiền sử dụng đất		5.100.000		145.613		2,86
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		16.000		10.301		64,38
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		8.000		5.271		65,89
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				155.369		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
A	B						
	Thu chuyển nguồn KP khác theo quy định của pháp luật.						
	Thu chuyển nguồn các khoản DT được cấp bổ sung sau ngày 30/9.				126.109		
	Thu chuyển nguồn thực hiện CCTL& các khoản tính theo lương cơ sở.				1.260		
	Thu chuyển nguồn đầu tư phát triển theo Quy định của luật đầu tư công.				28.000		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				27.643		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.789.136		8.829.437		184,36
1	Thu bổ sung cân đối		4.516.790		4.507.554		99,80
2	Thu bổ sung có mục tiêu		272.346		4.321.883		1.586,91